

vòi còn muốn đổi tiền, đứng núi này trông núi nọ. Người nghèo mong được giàu, giàu rồi lại muốn giàu thêm, không biết thế là đủ; người kèn mong được sang, đã sang lại muốn sang thêm, chẳng nghĩ đến đâu là vừa. Nên họ quanh năm, suốt đời vẫn mơ màng, ủ dột. Rõ thật có phải là người ta không ai muốn sướng cả không?

Ông Ôn-Công có câu rằng: « Lòng lợi dục như gươm sắc » nghĩa là cái lòng ham lợi cũng là dục tình người ta thắt mắc gươm ghê, nhiều khi vì nó mà hại đến mình, cho nên ví như gươm sắc.

Kẻ đã ham mê tài lợi đắm đuối, dục tình thì tất lúc nào cũng bức dộc, khô gan héo ruột như phải đầy ở ngục A-tỳ.

Đời đã biết buồn rầu, lo lắng là khổ, sao lại còn hay đắm vào ngục.

Như những người lỡ gặp những cảnh nghèo khổ, hoạn nạn; thường thì ai cũng lo buồn, song nên biết rằng những cảnh khổ nhục ấy chẳng qua là sự rủi ro xảy đến, dù lo buồn cũng là vô ích; chỉ nên giữ mình đừng có làm gì cho đến phải mắc sự khổ nhục, còn những điều gì không phải tự mình làm ra thì can chi lo buồn rầu rĩ cho mệt xác. — Chính câu: « Khổ nhục không đáng lo tự lấy khổ nhục mới đáng lo là nghĩa thế... »

Léon Bourgeois tiên sinh nói rằng: « Ta cứ nghĩ đến những sự đau đớn của người, nghĩ đến lúc

mình được hưởng sung sướng mà người không được như ta... thì mới được biết cái sung sướng của ta ».

Người cười ngựa, ta cười lừa, trông người lại ngẫm ta chưa bằng người Ngoảnh xem anh kéo xe lỏi, biết còn sung sướng hơn đời bao nhiêu.

Đó, hề biết trông xuống những kẻ dưới mình, còn kém mình, và đừng thấy những người hơn mình mà ước ao thêm thường thì khắc biết có cái sung sướng của mình ngay.

Ở đời, thiết tưởng ai mà chả có cái sung sướng riêng của người ấy. — Như người giàu, cửa cao nhà rộng, tiền của như nước như non, nay người nhờ vả, mai người vay mượn, thế là cái sướng của người giàu. — Người nghèo tuy nhà gianh vách đất, nhưng hai bàn tay trắng làm lấy đủ ăn, không phải lâm lụy ai, vợ con đề huề, gia đình vui vẻ là cái sướng của người nghèo.

Người sang thì quyền cao chức trọng, có thể lực có quyền hành, ai cũng kính phục là cái sướng của người sang. Người hèn dẫu kém thế, kém vẻ, sức yếu tài hèn, nhưng không phải mang công ơn ai, không phiền lụy ai, an phận thủ thường là cái sướng của người nghèo.

Tóm lại, cái nguồn hạnh phúc ở đời chỉ bao hàm trong 2 nghĩa « tri-túc » và « an-phận ».

ĐÔNG-ĐÌNH



HỘP THƯ

Ô. Lê kim Cui, Caolanh. — Mandat 1\$17 ông gửi ra trả nốt tiền Văn-Học, chúng tôi đã nhận được.

Ô. Phạm quan Phong, Cái Bè. — Mandat 2\$ ông gửi ra trả tiền Văn Học chúng tôi đã nhận được,

thế là hạn báo của ông tính đến ngày 31-3-35 ông chỉ còn thiếu có 0\$40 nữa thôi.

Ô. Hồng đức Thanh, Long Xuyên. — Mandat 2\$ ông gửi ra mua sách chúng tôi đã nhận được, nhưng mấy bộ sách Thê-Thao người ta còn đang in lại nên chưa gửi, chừng nửa tháng nữa họ in xong sẽ mua giúp ông rồi gửi vô ông luôn thể. Xin nói để ông biết, kéo ông mong đợi. Tất cả tiền sách và cước gởi là 4\$17 mà ông mới gởi ra có 2\$. Vậy xin ông gởi nốt 2\$17 nữa ra để khi chúng tôi gởi sách vô ông đỡ tiền cước phí về cách lĩnh hóa giao ngân. Hạn báo của ông mua đến 31-3-35 mới hết.

CÙNG CÁC ĐỘC GIẢ

Như đã tuyên bố trong mấy số báo vào tháng Juillet và Aout 1934, Lịch Đông-Tây 1935 có mục nói về chữ bỏ dấu và lịch ta so với lịch Pháp năm 1935, các thẳng cảnh trong nước, các giờ xe lửa chạy cùng mấy mục khác hiện đã in xong. Chúng tôi tính gửi đi để làm quà cuối năm tây cho khắp các độc-giả cùng vào số báo này. Song có một điều chúng tôi không ngờ trước: là quyền lịch (dày 50 trang nhỏ) này, vì nhan là lịch Đông-Tây năm 1935, Sở bura-chính không cho là quyền phụ thuộc vào Văn-Học tạp-chí (Supplément à la V. H. T. C.) nên bắt phải gián tem thêm mỗi quyền báo 2 xu nữa thành ra thiệt thòi cho bản-chi lắm. Tuy mỗi vị độc-giả bản-chi gửi mất có 2 xu song cứ nhân số ấy với hàng nghìn độc giả thì đủ thấy số ấy là to. Bản-chi đành không thể cùng gộp vào quyền báo này được mà phải gửi riêng ngoài, trong các độc giả ai muốn có quyền ấy xin cứ cho người lại bản-quản lấy. Nếu ở xa, mỗi khi các ngài viết thư về mua sách, giá tiền báo hay hỏi điều gì, thì kèm thêm cái tem 2 xu vào, bản-chi tiếp được sẽ cho gửi quyền ấy ngay.

MỘT ÁNG VĂN CÓ GIÁ-TRỊ

Quyển văn « Thời hài » của ông Thùy-thiên Ngô-bằng-Giục. Văn hay quý, hài-văn hay lại càng quý, vì văn hay có cái sức cảm hóa được lòng người, chuyển di được xã-hội rất mạnh, mà nhất là hài-văn hay thì người ta càng ham xem, xem rồi càng dễ cảm, càng có cái sức cảm hóa được lòng người, chuyển di được xã-hội mạnh hơn, nhưng cũng cùng là văn mà có cái văn bổ ích cho người đời như cơm gạo vải lụa, lại có cái văn độc hại cho người đời như hồ núi yêu tinh; có người có tâm huyết, có kiến thức lợi dụng được cái sức mạnh của văn-chương mà làm cho nhân-tâm đương xấu mà hóa tốt, xã-hội đương giở mà hóa hay lại có người không có lương tâm, không có học thức cũng lợi dụng được cái sức mạnh của văn-chương mà làm cho nhân tâm đến bại hoại, xã-hội đến ngửa nghiêng. Nói văn hay, nói văn hay đáng quý là nói cái thứ văn không phù hư, không nguy hiểm, có ích cho nhân tâm thế đạo kia; chứ không phải cái thứ văn « xỏ lá » hoặc « ba hoa », khoa môi múa mép xằng mà « vãi » ra những giọng tăng bi đạo dục vậy.

Ông Thùy - Thiên Ngô - bằng-Giục có thể kể là một nhà văn có tâm huyết, có kiến thức trong cái làng văn « bát nháo » ở xã-hội ta bây giờ. Ông vừa xuất bản quyển văn « Thời hài » là gồm 142 bài hài-dâm của ông đã đăng trong báo Trung-Bắc trước được đọc-giả hoan nghênh lắm. Cứ xem bài tựa trên đầu sách của ông có đoạn nói : « Tinh thần của văn-hài là cười cợt mà không nhả,

hỉ hả mà vẫn nghiêm, êm đềm và sâu sắc, từ nhời nói, chuyện ăn, câu cười, tiếng khóc đã viết ra văn đều phải là những văn không phiếm ». Ấy ông đã hiểu thấu được cái tinh thần của văn hài như thế thì chắc là ông đã biết rõ cái chân giá-trị của văn thế nào là hay, hay thế nào là đáng quý, chắc là ông đã nghiên tinh đàn tử, nghĩ làm sao lợi dụng cái sức mạnh của văn mà đưa dắt người ta về đường ngay nẻo tốt, chứ chẳng khi nào nỡ lợi dụng cái sức mạnh ấy mà phỉnh gạt người ta về nẻo xấu đường hư. Trong bài tựa ông có tỏ ý không những là lấy cuốn văn này làm văn hài hước, thực còn muốn lấy làm vở tuồng, phim ảnh để diễn chiếu ra cái hiện trạng của xã-hội ta, mong rằng sẽ có bổ ích được một đời phần trong nghìn vạn phần về đường phong hóa. Quả vậy, ai đọc hết quyển văn « thời hài » tưởng cũng lượng biết được nơi dụng ý của tác-giả là có cái tâm huyết, cái kiến thức như thế vậy.

Thì đây, ta thử lật những vở tuồng, những phim ảnh mà ông đã diễn chiếu cái hiện trạng của xã-hội ta trong quyển sách này như bài « Cậu bé lắm to » :

Một cậu bé nghe ông cha chữ đưa tiểu nhân dắc chỉ mà tủi thân khóc thút thít mãi. Ông cha bảo cậu nhận nhầm nghĩa chữ « tiểu-nhân » với chữ « tiểu tử » rồi cắt nghĩa cậu nghe :

Gặp thời gặp vận dễ lên câu,
Đội lốt hùm beo nạt lẫn nhau;
Tài đức hơn ai mà ậm ọ,
Thất phu không óc chỉ to đầu.

X

Bài « hiểu tại tứ chi » :

Một bác vừa có tang ông thân phụ được ít ngày, đi hát gặp nhân tình cũ, tay đập trống, chân cũng không để không, nhân tình cũ ngâm :

Quan dạy thì em biết thế thôi,
Biết quan có cụ, cụ qui rồi.

Chân tay chẳng hiểu, lòng quan

hiếu,

Lòng hiểu quan may động đến trời.

X

Bài « lòi » :

Ông bà lo méo mặt mới được cậu con vào học trường tây. Nghỉ hè, cậu về quê, chơi với trẻ trong làng khi nói năng, khi cãi cọ cậu thỉnh thoảng lại đệm mấy tiếng « mệc », « cô soong », « xà lù » để lòi chúng.

Ông nghe thấy lạ tai gọi lại hỏi :

Cậu đáp : « Đây là chữ bằng tiếng tây ».

Ông lại hỏi : « Thế những khi đến trước mặt ông bà, cha mẹ chú bác thì chào và thưa gửi bằng tiếng tây thế nào cho phải phép ?

Cậu đáp « chưa học »

Ông lắc đầu :

Rồi chẳng tây mà cũng chẳng ta,
Văn minh không ruột chỉ ngoài da ;

Thôi thôi ! tạm để con nhà vậy,
Chẳng có rồi con « mệc » cả cha.

Ấy cả quyển văn « Thời hài » của ông Thùy thiên bài nào lập ý thế từ đại loại cũng như thế cả. Xem đi ngắm lại, thấy biết bao nhiêu những cái xu kịc, bi kịch, ác kịch trong xã hội lần lượt bày ra trên rạp tuồng, trên màn ảnh trước con mắt chúng ta khiến cho chúng ta phải lấy làm nhơ nhuốc, gớm ghê, chương mắt đau lòng mà không muốn

trong xã hội lại diễn nên có cái cảnh tượng đáng buồn đáng tởm ấy nữa, về đường phong hóa, bổ ích há phải là nhỏ ư?

Nói về văn thì thật là « cười cợt mà không nhả, bĩ - hả mà vẫn nghiêm, êm đềm và sâu sắc », thật đúng với cái tinh thần của văn hài như lời trong bài tựa của ông đã nói vậy.

Có một cái đặc sắc khác với những văn hài khác là mỗi bài ông đều tổng kết cả cái chủ ý toàn bài bằng mấy vần thơ, lời thơ rất là trải truyết, thanh tao thâm trầm ý vị khiến cho người đọc xem càng cảm, cảm càng lâu. Điều đó càng tỏ ra ông có cái lòng thành chu-chí thiết-tha đối với nhân quần xã-hội; người ta thường nói; văn là máu; những giọt máu vị nòi vị nước từ dưới cái ngọn bút tài tình của ông chảy ra, ông chẳng muốn để phí đi mất một giọt nào không thấm tới chỗ tâm trủy của anh, chị, em cùng nòi cùng nước vậy. vì đã nghiệm ra rằng văn chương của ta chỉ mới có văn vần là đọc dễ nhớ, nhớ được lâu: một bài xã luận, một bài diễn thuyết dù lâm-ly thống thiết đến bậc nào cũng vẫn không khiến cho người ta ngấm truyền miệng, đọc thuộc lòng được bằng mấy khúc ca rao, mấy câu lục bát; ta chẳng thấy bài « địa dư ca » thì khắp dân-gian ai cũng ngấm, ai cũng nhớ mà sách « địa-dư sơ học » thì hỏi ngay chính những trò học ở trong các trường học chưa chắc đã đọc thuộc được đoạn nào đấy ư? văn hài sánh với văn thể khác có cái sức mạnh cảm hóa lòng người, chuyển di xã-hội hơn: văn hài mà văn vần sánh với tản-văn lại có cái sức mạnh cảm hóa lòng người chuyển di xã - hội hơn nữa. Tác giả

quyển văn « Thời hài » thật đã khéo biết lợi dụng cái sức mạnh ấy một cách chính đáng mà thi hành cái nhiệm vụ của văn-chương. Tôi tưởng đọc những câu lục bát như:

Giàu đâu những của trời ơi,
Sang đâu những cái quyền ôi mà
màng (bài giàu sang).

những câu ngụ ngôn như:

Thôi thế là hồng hết,
Còn ai bảo được ai.
Từ già cho đến trẻ,
Một loạt đua nhau chơi (bài
« tòa án Diêm-vương »).

những câu thất ngôn như:

Quái ! quái ! nhân - gian lắm
chuyện kỳ,
Thà rằng dối rét trách làm chi.
Ấm no mà cũng quên liêm sỉ,
Nhân cách than ôi ! đến thế thì.

.... (Bài « hai mươi ba tết »)

những câu song thất gián lục bát như:

Việc thành bại đổ đen tại vận,
Cách hành vi sạch bẩn bởi mình
Nguyên nhân nên nhận cho rành,
Trăm năm cuộc thế người sinh
làm gì?

Hay làm phỗng chi chi chích
chích,

Chẳng xuýt xoa khúc khích
cùng ai.

Chuyện đời còn gác ngoài tai,
Đá trơ mặc đá vàng phai mặc
vàng?

Hay làm đĩa còn đang mãi hút,
Chừa phải với chừa nhụt chút
nào.

Thấy người lặn lội bờ ao,
Thừa cơ nước đục bắm vào nhau
nhau?

Hay làm cáo mưu sâu hại chúng,
Chết mặc ai cốt sống lấy mình,
Lừa nhau kẻ đã đủ vanh,

Bày ra tứ đốm tam khoanh lắm
trò.

Hay làm lợn tự do dâm dật,
Động rờ lên nhất luật như nhau.
Biết chi là cuối với đầu,
Lòng hun lửa đục còn đâu là tình?
Hay làm kẻ giả hình giả giàng,
Giở trò ra dơ dáy khó coi.
Nhờn nhờ những muốn học người,
Đỏ trơn xem vẫn rá loài đỏ trơn?
Không ! không ! quyết người
khôn chẳng dại,
Có lẽ nào phải trái khôn phân.

(bài « ăn sinh nhật »)

thì ai đọc cũng phải nhớ, nhớ cũng được lâu, cái âm thanh dẻo dặt, cái giọng điệu bông chằm giúp cho cái ý tưởng thanh kỳ, cái tâm tình bi thiết đạt được ra hàng giấy nét mực mà thấu vào cái cảm giác đậm nồng sâu sắc của người ta, thật không có sự cảm hóa gì thâm bằng sự chuyển di gì mau bằng. Cái phần tưởng như thế đủ cho một nhà văn có tâm huyết, có kiến thức như tác giả quyển văn « Thời hài » này lấy làm vui lòng hả dạ, bỏ với cái công cặm cụi một đèn một bóng, đòi đoạn ruột tằm rồi vậy.

Vì cái tương lai của văn giới mình, của xã - hội mình, mong rằng tác giả sẽ đem hết cái tài viết hài-văn mà cống - hiến cho văn giới ta thêm những tác phẩm về văn hài xuất sắc hơn nữa, những tác phẩm về văn hài đó lại sẽ là những cái lợi khí mài rũa cho nhân tâm phong tục hóa dở thành hay, hóa xấu thành tốt hơn nữa, mà rồi cái gương sáng cheo cho các nhà văn khác ai có tài viết hài-văn cũng đều viết nên những hài-văn có ích như thế thì hay biết chừng nào !

TUYẾT HUY

Xem kỳ sau :

Bài phê bình về quyển « LỜI HOA »
của KIM-PHƯƠNG

VĂN THƠ

ĐÊM RẼM CHƠI CHÙA

Khách xá canh khuya tranh mỗi sầu,
Bỗng nghe chuông gióng ở nơi nao.
Bóng giăng soi lối tìm am vắng,
Giếng mỗ đưa người cất gót mau.
Nhằm kệ vải lần về chuỗi hạt,
Tụng kinh sư thức suốt đêm thâu.
Bồi bồi nhân sự tơ tình rối,
Cũng muốn như ai gọt quách đầu.

NÔNG PHU TỪ

Một mình ở quãng đường không,
Vui cùng cây cuốc bạn cùng cỏ cây.
Khi ngấm gió, lúc trông mây,
Biết bao vui thú được khuấy khuấy lòng.
Cây bừa chẳng quản mấy công,
Miễn sao thu được gạo thùng, lúa rương.
Ngại gì giải nắng dầm sương,
Vải cùng trời phật bốn phương hộ trì.
Công - hầu vương - bá mà chi,
An thân thủ phận ai bị được ta.
Mời phú quý, bả vinh hoa,
Đua nhau phung phí, xa hoa, thấy người.
Tuy khó nhọc vẫn vui cười,
Cười rằng: vũ trụ lắm người tham si.

LIÊN HÌNH NGÔ NGỌC KỶ

CHỢ ĐỒNG XUÂN

Long thành phong cảnh lạ trên đời,
Vào chợ Đồng-xuân tưởng chợ giời.
Hóa vật trăm hàng người bán chác,
Phần hoa bốn mặt khách dong chơi.
Thuế thu mỗi buổi hơn nghìn bạc,
Lợi nhất ba kỳ có một nơi.
Mừng cửa nhà ta ngay cửa chợ,
Vui xem xuân sắc suốt tư thời.

ĐỒ KHẮM SÀ CỪ

Khen bác công sư khéo dũa mài,
Đỏ xanh lóng lánh tựa mây giời.

Hình hài khảm đủ nhân và thú,
Thẻ chất nguyên là ốc với chai.
Diệu thủ diêm trang đồ dưới bể,
Cầm tâm thêu dệt bâu trên đời,
Phen này đấu xảo sang Âu Mỹ,
Họ phục Nam ta có biệt tài.

VĂN-TRAI NGUYỄN-TẢO

THẤY GIĂNG VỀ MÙA ĐÔNG CẢM VINH

Đêm qua vắng vặc bóng giăng đông,
Ngán nỗi cho giăng cũng lạnh lùng!
Mặt ngọc pha sương, khuôn mặt trắng,
Lòng son diêm tuyết, tấm lòng trong.
Thu về để khách duyên hờ hững,
Đông đến cho người dạ nhớ mong!
Ở chốn cung thiềm ai có biết,
Giữa trần mây kẻ bạn tình chung.

Ngọc - Hồ

GẶP BẠN CŨ

Cơ duyên dun dủi, nghĩ mà hay!
Mười mấy năm giờ lại gặp đây!
Nhắc đến «Trường Ke (1) toan trở lại,
Bàn qua kho bạc (2) ngõ già ngay.
Nản đem ngòi thép tô danh lợi (3),
Khéo mượn màu sơn mặc cỏ cây (4).
Chén rượu câu thơ, tình cổ cựu,
Xa xôi nào biết truyện «uyên bay» (5)?

TẶNG BẠN Ở XA

HÁT NÓI

Sâm - Lô nhất biệt (6),

Đến bây giờ, có biết đã bao không?
Bóng thời đưa vùn vụt mấy thu đông?
Rắp tính thử — bạn lòng! — thôi chẳng tính!

1) Trường « Quai du commerce », trường Bờ sông, là chỗ cùng theo học khi còn ít tuổi.

2) Người bạn này trước làm phụ ở kho bạc Hanoi, nhưng thôi đã lâu.

3) Chàng ta tuy có học thực, xong không thuộc về phái quan trường hay chính ngạch các sở công.

4) Chàng biết nghề vẽ sơn, thường họa những bức sơn thủy.

5) Hai chữ « uyên bay » chỉ người vợ đi mất.

6) Sâm=núi Giùm, Lô = Sông Lô-giang, cảnh Tuyên Quang, câu này nghĩa là từ lúc từ biệt nhau ở tỉnh Tuyên.

NHÃ THƯỢNG HÙNG CHÂU THAO NHẬN LĨNH (1),
QUÂN ĐĂNG QUẾ HUYỆN KẾT ĐÀO VIÊN (2).

Nước non, duyên đã bén duyên!
Người thôn dã, khách lâm tuyền, ai phải quấy?
Viết chẳng viết, can chi mà áy náy?
Dấu con tem tờ giấy có làm chi!
Nhớ nhau sao chẳng tìm đi?

GIÃ PHƯỢNG

1) Ta lên Hùng châu (Hoan Hùng) giữ núi Nhận nghĩa
là đứng đầu một sở thông tin tức như « Điện báo ».

2) Người lên huyện Quế (Quế Dương) kết nghĩa vườn
đào. Đào viên lại là làng Đào viên, vì lên dạy học ở đây
lâu giao thiệp với người ở đây cũng như kết nghĩa.



Bài tự tình của người thiếu-phụ bị giam trong ngục

Ở Văn Học số 62 ra ngày 17-11-34, bản chỉ có đăng ở
mục Pháp văn trích dịch bản dịch bài *La Jeune
Captive* có nói: bài này, nguyên văn rất hay, dịch-
giả tự biết dịch ra trăm phần chưa được một và có
mong các độc giả dịch giúp. Nay tiếp được bản dịch
này của ông giáo Nguyễn đức Bảo, xin vui lòng cho
đăng dưới đây. Ai muốn xem bản chữ Pháp xin coi
tại báo V. H. số 62 trang 5.

X

Bông lúa kia hãy còn xanh ngắt,
Lưỡi liềm này nở cắt hay sao?
Cánh nho mơn mớn biết bao!
Được sương ngày hạ, mây nào ép non?
Thân ta đây vẫn còn yếu điệu,
Về thanh tân ai hiểu cho chăng?
Dầu đời nhộn nhịp nhố nhăng.
Ta chưa muốn thác, hẳn rằng được không?
Kìa những kẻ bền lòng gan sắt,
Vội đi tìm cái « chết không đau »,
Ta đây khóc lóc âu sầu,
Mong cho gió tạnh, ngừng đầu lên ngay.
Mùi thề-vị khi cay khi ngọt,
Hễ nếm nhiều cay ngọt hóa không.
Bề to sóng gió ùng-ùng,
Ngục cao ta có hải hùng chi đâu.
Chim nhỡ sa lưới câu người mắc,
Thoát khỏi vòng là chắc ung dung,
Bay cao trót vót trên không,
Hót cho khắp cả cánh đồng cùng nghe.

Vội chết chi? không hề hối hận,
Thức ngủ đều chẳng giận chi ai.
Từ khi ta xuống trần ai,
Bao người nản chí thảnh thơi vui mừng.
Đường thế lộ vì chưng xa lắc,
Hai bên đường cây mọc xanh om.
Ta vừa mới bước bon bon,
Mới đi một quãng đường còn dài ghê.
Tiệc rượu kia mới lê chôn chén,
Rượu còn đầy ai hẹn mà thôi!
Xuân kia vừa mới tới nơi,
Thiều quang chín chục của trời chưa qua.
Khắc chi bóng ác đã đương dọi,
Trải mùa này kể tới mùa sau;
Ngày qua tháng lại mau mau,
Mong xem mùa gặt mới hân vui thay.
Kìa lóng lánh trên cây một đoá,
Về thiên nhiên ai há phân bì?
Trong vườn hương sắc kém chi,
Mong rằng tới đến hoa thì còn nguyên.
Hỡi thần chết! ta khuyên ta nhủ,
Hãy nghe ta quyến rũ những người.
Những người nhút nhát chán đời,
Tuyệt vô hy vọng thì mời họ đi.
Còn ta đây, xin mi thông thả,
Chỗ nương thân ta đã sẵn rồi,
Mến, vui, còn cảnh ta chơi,
Ta chưa muốn chết xin người chớ nài.

THIỆN DÂN NGUYỄN ĐỨC - BẢO dịch

MỘT QUYỀN SÁCH
RẤT CẦN, NHÀ
NÀO CŨNG
PHẢI CÓ



Cử-nhân DƯƠNG-BÁ-TRẠC
soạn. Có cả các bài văn
khẩn và khoản thức biên
gia phả. Lại có in sẵn
nhiều trang để người nào
có quyền này chỉ việc điền
gia phả của nhà mình
vào. dày gần 60 trang
Giá 0\$15 - cước 0\$03.

GIA LỄ
GIẢN
YẾU

Gửi cho Đông-Tây ấn-quán, 193 phố hàng Bông, Hanoi

Tư tưởng chán đời trong lịch-sử thi-ca Việt-Nam

(Tiếp theo và hết)

Cụ Cao-bá Quát cũng thường mang rượu với thơ đi thăm « cao sơn lưu thủy » bạn cùng « minh nguyệt thanh phong » mà lấy làm thú :

CAO SƠN LƯU THỦY THI THIÊN TRỰC,
MINH NGUYỆT THANH PHONG TỬU NHẤT THUYỀN,
Giang tay người tài tử khách thuyền quỳên,
Chén rượu thánh câu thơ thần thích chí.

(CAO-BÁ-QUÁT)

... DUY GIANG THƯỢNG CHI THANH PHONG,
DỮ SƠN GIAN CHI MINH NGUYỆT.

Kho giời chung mà vô tận của mình riêng.

(CAO-BÁ-QUÁT)

Cái thú ngắm cảnh thiên nhiên, ở cụ Ngô-thế-Vinh cũng ưa thích lắm :

Chèo mấy cái thuyền lan lững thững,
Bạn mấy người tài tử tiêu dao.
Non mấy từng đá mọc so le,
Cầu một dịp bắc ngang sông Vị thủy.
Hội Xích bích nọ năm Tuất nhĩ,
Thú phong lưu há để một Tô-công.
Giăng thanh gió mát kho chung.

Đến cụ Trần-kế-Xương đất Vị-Xuyên là bậc « cực nhân gian chi phẩm giá, phong nguyệt tình hoài ; tối thế thượng chi phong lưu, giang hồ khi cốt » thì không phải nói đến cái khoa ăn chơi của cụ nữa mà ta ai cũng đã biết. Chơi những nơi sông biển, những nơi danh lam thắng tích nó không hết mấy tí tiền đã đành chứ chơi con hát cô đầu, cao lâu tửu quán là những thú chơi phải cần nhiều tiền mà tuy túng kiết, cụ cũng có mà chơi. Lúc nào cũng muốn :

Êm ái cung đàn chen tiếng hát,
La đà kẻ tỉnh giắt người say.

Sở dĩ, tôi nói nhiều về các cách mua vui, cách tiêu khiển, cách giết thì giờ của các cụ, đã nhận ở « đời là bể khổ » đâm ra ăn chơi như vậy là muốn cho ai nấy biết rằng cái chủ nghĩa chán đời, và

cái chủ nghĩa ăn chơi, hai cái đó nó vẫn thường đi đôi với nhau, dẫu người ta muốn tránh cũng khó được.

Vì một khi người ta không quản đến lợi danh, không quản đến chết sống, thì chỉ có cách ăn chơi cho vui sướng một đời là thích mà thôi. Cho nên những người chán nản cuộc đời, hầu hết không ai là không lấy ăn chơi làm chủ nghĩa. Như thế ta có thể nói chủ nghĩa ăn chơi là chủ nghĩa của hạng quá chán đời.

Chủ nghĩa đó, ở các nhà nho là chủ nghĩa của Dương-Chu vậy, với Dương-Chu thì chỉ có mình. Mình chỉ biết lấy mình mà thôi, tức là nghĩa « vi ngã ». Triết học của Dương-Chu hướng về chủ nghĩa « cực đoan yếm thế » giống như lý-thuyết của Schopenhauer nước Đức, — Một nhà cự tư trong phái chán đời (lầu dịch là Thúc-bản-hoa).

— Schopenhauer cho rằng còn ở cái thế giới hiện tại này người ta còn phải chịu nhiều cái đau đớn. Chỉ những lúc gặp sự vui sướng gì thì cái đau đớn của ta mới tạm quên đi được thôi.

Đó những lý thuyết « dễ nghe » của Chư tử mà ta vừa kể lướt qua cả ở trên nó vô tình mà ngấm ngấm vào lòng người ta, đã như nhập vào người ta mà không biết. Cho nên nhà nho ta, một khi cất giọng ngâm lên là toàn ngâm những thơ chán đời đầy những lý thuyết đó cả.

Vả chăng Khổng giáo không thể cho ta được một chút thi hứng nào, vì tư tưởng của Khổng-giáo toàn là những tư tưởng thiết thực những khuôn pháp thuộc về tam-cương, ngũ thường không thể làm thi dễ cho nhà thơ được.

Những nhà thơ thì lại là những hạng có ít nhiều tư tưởng lãng-mạn cho nên họ ưa chuộng những cái cao siêu hơn. Nhà thơ ta vì vậy mới tìm đến những lý-thuyết của Trang, Lão, v. v.

2.)— ẢNH HƯỞNG CỦA ĐẠO PHẬT

Triết-lý của Phật giáo cũng là một triết lý cao thượng, uyên bác, cho nên nhà thơ ta khi muốn xa những tư tưởng bình thường giản dị mà không tìm đến những đạo của Lao, Trang Thì tất tìm đến đạo phật. Phật giáo là Giáo lý làm cho người đời tỉnh biết để trở nên sáng suốt mà sáng suốt tức là diệt vô minh và thoát ly ra khỏi luân hồi sanh tử. Đó là cái mục đích cứu cánh của Phật giáo : Mục đích giải khổ cho chúng sinh.

Kinh Phật giảng rằng cõi đời là giả tạm, là bến khổ sông mê thì những tư tưởng ấy cũng thấy ở thơ ca ta nhan nhản :

Mùi tục lụy đường kia cay đắng,
Vui chi mà đeo đẳng trần duyên.
Cái gương nhân sự chiền chiền,
Liều thân này với cơ thiền phải nao.
Thà mượn thú tiêu dao của Phật,
Mối thất tình quyết dứt cho xong.
Đa mang chi nữa đeo bông,
Vui gì thế sự mà mong nhân tình.
Lấy gió mát giăng thanh kết nghĩa,
Mượn hoa đàm đốic tuệ làm duyên.

Lấy đạo Phật làm cái mục-đích thoát nạn, thoát khổ, nên người ta :

Có khi dõc chí tu hành,
Lánh mình trần tục nương mình thuyền môn.
Độ tri nhờ đức thế tôn,
Lỡ làng thừa trước vương tròn mai sau.

(VÔ DANH THỊ)

Người ta quyết diệt khổ tìm phương tư giác để giác tha. Nếu không vậy nữa thì cũng lo giải thoát cho mình để làm tiên cho sướng, rồi liếc mắt coi lớn bé ở đời chơi :

Ngoài vòng cương tỏa chân cao thấp,
Trong thú gèn hà mặt tỉnh say.
Liếc mắt coi chơi người lớn bé,
Vênh râu bàn những chuyện xưa nay.

(NGUYỄN CÔNG-TRỨ)

Người ta lấy yếm thế làm vui thì người đã chán đời đến cực độ rồi.

Lại còn cái lý thuyết « định mệnh » của Đạo Phật khiến cho người ta hiểu biết càng thêm chán đời nữa. Muốn việc của người ta là tại trời cả, thế thì dù có tài cao trí lạ tại trời cả, thế thì dù có tài cao trí lạ chẳng nữa mà nếu

chư mệnh ghét chữ tài thì :

Có tài mà cậy chi tài,
Chữ tài liền với chữ tai một vần.

(NGUYỄN DU)

Làm người chớ lấy tài mà cậy...

Dẫu có tài hơn chớ cậy tài.

Hễ kẻ anh hùng những cậy tài...

Ở thế đừng tranh đừng trượng phu.

(NGUYỄN BÌNH KHIÊM)

Nếu càng cậy tài thì lại càng gặp những sự không may, mà phải lao đao, chạt vật, ấy cũng bởi cái công lệ « bỉ sắc tỵ phong » của tạo hóa cho nên người ta nên thuận theo trời và tin ở mệnh :

Mệnh ở trời há phải cầu,
Được thua phú quý đều thiên mệnh,
Chen chúc làm chi cho nhọc nhằn.

(NGUYỄN BÌNH KHIÊM)

3.)— ẢNH HƯỞNG CỦA THỜI CUỘC

Thơ ca của ta như trên đã nói, mới có từ đời Trần. Nhưng suốt đời nhà Trần và trong khoảng giai đầu đời nhà Lê ta chưa thấy có gì là đặc sắc. Duy chỉ mãi cuối đời Lê ta mới thấy sản xuất những tác phẩm có giá trị của Hồ xuân Hương, Nguyễn thị Diễm, Ôn như Hầu, Đặng trần Côn, vân, vân ..

Lúc ấy đã là lúc Lê mạt triều đình tan nát Non sông nào phải buổi bình thời ; Ngoài thì giặc cướp nổi lên tàn phá, trong triều chính sự đảo điên. Bao nhiêu tráng sĩ đều phải ra đầu quân. Mấy bậc trung thần lại không được hậu đãi, Nếu ta muốn tưởng tượng quang cảnh suy đồi bấy giờ thì ta phải hình dung một buổi chiều tàn, thu về lá rụng....

Người ta thấy dải trên màu trời vàng ủa những chiếc bóng thần thờ của vài người chinh phụ ngóng chồng, hay những bậc lão thần sót nước. Những nhân vật diu hiu ấy càng làm tăng thêm vẻ diu hiu của những cánh đồng tàn phá, ruộng lúa bỏ hoang sau những ngày binh lửa. Khiến cho những nhà thi sĩ vốn nặng lòng sót nước thương nòi, đã phải vì người chinh phụ, vì kẻ oan thần mà ngâm lên bao điệu náo nùng bi đát. Cuốn « chinh phụ Ngâm » và cuốn « Tần cung Oán » bởi đó mà ra đời.

Và ta có thể nói :

*Chẳng phong lưu đương, chừng niên thiếu,
Sánh nhau cùng dan diu chữ duyên.*

Lẽ nào đôi lứa thiếu niên,

Quan sơn để cách hàn huyên sao đành.

là tiếng than khóc chung của bấy vợ linh thời
ấy, cũng như :

Mùi hoắc lê thanh đạm mà ngon.

Cùng nhau một giấc hành hôn,

Lau nhau riu rít có con cũng tình...

Là cái nguyện vọng chung của toàn thể quốc
dân bấy giờ, tinh thần cũng như thể chất đã
muôn phần mệt mỏi.

Đó là thời cục Lê mất. Đến khi Nam Bắc,
Nguyễn Trịnh phân tranh và trong đời Tây-Sơn.

Bấy giờ hết « cơn binh lửa », người ta đã được
nghỉ ngơi rồi. Nhưng còn bao nhiêu sự uất ức
như chan chứa trong lòng bao người nữa.

Nào những tôi cũ nhà Lê, trước cảnh sao dời
vật đổi, người vẫn người cũ mà cảnh cũ sao
đã khác xưa, nên sinh lòng hoài cảm, cất lên
những tiếng đau thương.

*Tạo hóa gây chi cuộc hi trường,
Đến nay thấm thoát mấy tình sương.*

Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo,

Nền cũ lâu đài bóng tịch dương.

Đá cũng chơ gan cùng tuế nguyệt,

Nước còn cau mặt với tang thương.

Ngàn năm gương cũ soi kim cổ,

Cảnh đây người đây luống đoạn trường.

Đó là tiếng than của bà Huyện Thanh Quan khi
qua thăm thành Thăng - Long mà động lòng
hoài cổ.

Ông Phạm-Thấu, cựu thần nhà Lê đi qua cửa
Ngũ-môn, trông thấy con rồng đá nhớ cảnh xưa
mà cảm hứng nên lời mát mẻ âu sầu :

Chợt qua năm cửa động lòng thơ,

Rồng đá sao rầy gọi biếng thưa.

Nền nếp vẫn còn nền nếp cũ,

Lẽ vẫn sao khác lẽ vẫn xưa.

Những thơ chữ hán của cụ Nguyễn - Du vịnh
thành Thăng-Long như câu :

THIÊN NIÊN CỤ THẤT THÀNH QUAN ĐẠO,

NHẤT PHIẾN TÂN THÀNH MỘT CỔ CUNG.

(thành cũ tự ngàn năm trước nay làm đường
đi, một bức thành mốc kia sây đè trên cung
điện cũ) thì rõ là lời than tiếng khóc.

Bao những tôi cũ, những trung thần của nhà
Lê muốn đi ở ẩn cho tròn nghĩa vụ với vua
xưa mà bị ép gọi ra làm việc nước với tân trào.

Bao những người đã nỗ lực trong buổi chiến
tranh, mà nay « sóng yên gó lặng » không màng
được chút công lao.

Những người đó đâm ra chán nản uất ức.

Lại chẳng bao lâu nội loạn ngoại chinh, Nam
kỳ mất rồi dần Trung, Bắc-kỳ cũng mất, thời thế
soay đổi hấu.... Lối thi chữ hán bãi bỏ đi. Bao
nhiều người « học đã sôi cơm » mà đành « chữa
chín ». Nợ sách đèn không còn mong trang trắng
được nữa vì :

Giờ có ra gì cái chữ nho,

TRẦN KẾ XƯƠNG

Lều chiếu đều phải ngậm ngùi từ nay. Thế vào
nền học cũ, một nền học mới lú la lú ló.

Thay vào cuộc đời êm đềm của gia đình
hôm sớm, một cảnh đời vật lộn quay cuồng của
nền văn minh vật chất Âu Tây.

Bao nhiêu cuộc tang thương ấy làm sao mà
không khiến người có tâm hồn đa cảm, khóc
mà cho chán đời là phải được.

∴

TU TƯỢNG CHÁN ĐỜI VÀ THỜI ĐẠI CẬN KIM

Cho đến Yên - Đổ, ta có thể đóng cửa cái thời
kỳ toàn thịnh của văn học ta rồi. Từ sau Yên-
Đổ trở đi ta phải kể là thời đại cận kim. Tuy
thế mà cũng còn có rây rưa sót lại.

Thực vậy, trong suốt một tập thơ của Tản-
Đà, không có một bài nào là không đầy giọng
ai oán nào nùng. Nếu không, là những giọt lệ thì
cũng là những tiếng thở dài.

Người đời thử ngẫm mà hay,

Trăm năm là ngắn một ngày giải ghê.

Còn ai ai tỉnh ai mê ?

Những ai thiên cổ đi về những đâu.

Châu Nam Hải thuyền chìm sóng Thủy-ái,

Sóng tiền đường cỏ ấy bến Ô-giang.

Ngẫm nghìn xưa, ai tài hoa, ai tiết liệt, ai dãi tràng,
Cũng một giấc mơ màng trong vũ trụ.

(NGUYỄN KHẮC HIẾU)

Đến Trần Tuấn Khải thì lại là những tiếng
oán trách, căm hờn, mai mỉa ; Oán trách những
đều bất công của con tạo ;

*Đèn sách, mười năm đành chuyện hảo,
Nôm na mấy chữ gọi duyên vờ.*

Cầm hồn đắm quan tham lại những:

Thế cũng râu ria mũ áo thì ».

Mai mả những phường giá áo túi cơm, mượn
miệng người thiếu phụ:

*Cái bước đêm khuya, thân gái ngại ngừng,
Nước non gánh nặng cái đực ông chồng hay hời
có hay!*

Nhưng rây rưa ấy rồi cũng đến ngày phải dứt
vì sự tiếp xúc với cuộc đời vật lộn, khiến người
ta biết rằng ngồi mà thở than không hợp thời
nữa. Người ta phải ném mình vào những công
cuộc, soay sở hoạt động. Và phải gác ra một bên
hay vứt hẳn đi những tư tưởng chán đời nó
đến ám ảnh mình. Nghĩa là phải lạc quan mà
sống. Văn chương mà nhất là thi ca cũng thay
đổi hẳn. Muốn biết sự thay đổi ấy, ta hãy xem
một vài tập thơ của thi sĩ thiếu niên gần đây:

1.)— Tập Mạnh hồn thơ

(của Văn Hạc Lê văn Hòe)

Cái đặc sắc của tập thơ này là cái tính cách
thiếu niên. Ta thấy tác giả như một đứa trẻ
thơ ngây nhớn nhơ vui sướng với cuộc đời
hồng tía.

Không phải là ông không nom thấy cuộc đời
là ngắn ngủi, cảnh đời là bề khổ đau. Ông thương
cho kiếp người thiếu nữ chỉ là kiếp một (đóa
hồng) sớm nở chiều tàn ông viết:

*Cuộc thế đầy gió bụi,
Kiếp người ta khác gì*

Nhưng thế mà ông vẫn mến đời, vì sao? Vì:

*Đỉnh núi mây vàng gương thế sự,
Đầu ghềnh hoa thắm kiếp phù sinh.*

thế sự tuy như mây, luôn luôn biến đổi, nhưng
đám mây rực rỡ như vàng. kiếp người tuy giống
kiếp hoa, sớm nở tối tàn, nhưng hoa kia là đóa
hoa thơm đẹp. Cho nên ta phải mau hái lấy quả
đào xuân mà bán cho đời say đắm.

*Đào chín sao ai không hái bán,
Kẻo rồi mưa gió rụng tan lành!*

Chữ:

*Bạn ơi! Sao vội chán đời chi?
Quả lạ hoa thơm chẳng tiếc gì.*

Đời này quả lạ hoa thơm thì sao lại chán? Mà

kẻ chán đời đã ngốc thì chớ, lại còn có tội với
đời nữa! Ta phải mắng những chú tiểu đi tu:

Sao chú chán đời vội «sực» chay,

Thôi chớ ở chùa đừng chốn việc!

2.)— Tập Hồn thơ và Lời bên hoa (của Nguyễn - xuân - Kỳ)

Ông Nguyễn-xuân-Kỳ năm nay mới 18 tuổi: Khi
tập thơ đầu là tập thơ của ông ra đời thì ông mới
vừa 17 tuổi! Tập Hồn thơ đã làm gần như náo
động báo giới Bắc-kỳ. Không phải là vì cái tuổi
trẻ của ông, mà là cái đặc sắc của tập thơ ông:
Cái tư tưởng lạc quan. Ta cứ đọc xuất bài (đục
điểm trang) của ông sau đây thì ta rõ:

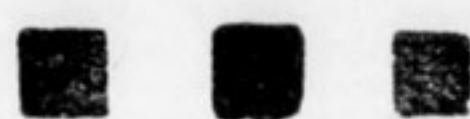
*Em bảo đời là một giấc mơ,
Điểm trang chi nữa cũng bằng thừa.
Yêu nhau miễn thỏa tình yêu ấy,
Rồi lúc buông tay mặc chuyện xưa.
Chán đời qua sớm ngán cho em,
Tóc để bờ phờ má nhuộm nhem,
Cuộc thế đâu là trường mộng nữa.
Phải làm cho mộng được vui thêm.*

*Em đâu không tôn cái má hồng,
Vời em thêm đẹp cũng như không.
Nhưng em nghĩ lại tình anh với,
Em sầu anh đâu được thỏa lòng.
Em đẹp lòng anh mới được vui,
Anh mong cặp má đượm màu tươi.
Anh cầu em đẹp như tiên ấy,
Em đẹp nhìn em cũng sướng đời.*

*Em nói yêu anh nhất cõi đời,
Anh vui là thỏa dạ em rồi.
Muốn anh vui vẻ không gì khó,
Em đẹp thì anh tức khắc vui.
Nghe anh em hãy lại đài gương,
Điểm phấn thoa son ướp chút hương.
Em vì theo lời em chải chuốt,
Thì em đâu kém bức nghệ thường.*

*Em đẹp lòng anh sướng tuyệt trần,
Trông em anh mỉm nụ cười xuân.
Cười vui thỏa mãn lòng ao ước,
Cười nhạo người đời kém bạn thân.
Quàng tay ta giao bước đường tình,
Theo gió tóc em giỡn mặt anh.
Anh ghé tai em mà sẽ nói,
Hương đầu thơm thế hời có mình.*

DỊCH PHÁP VĂN



L'idée du beau (suite)

Il y a des actions que le monde entier trouve belles. Deux officiers de César, ennemis mortels l'un de l'autre, se portent un défi, non à qui répandra le sang l'un de l'autre derrière un buisson, comme chez nous, mais à qui défendra le mieux le camp des Romains que les barbares vont attaquer. L'un des deux, après avoir repoussé les ennemis, est près de succomber; l'autre vole à son secours, lui sauve la vie et achève la victoire. Un ami se dévoue à la mort pour son ami; un fils pour son père: l'Algonquin, le Français, le Chinois, diront tous que cela est fort beau, que ces actions leur font plaisir, qu'ils les admirent.

Ils en diront autant des grandes maximes de morale, de celle-ci de Zoroastre: « Dans le doute si une action est juste, abstiens-toi », de celle-ci de Confucius: « Oublie des injures, n'oublie jamais les bienfaits ».

Le nègre aux yeux ronds, au nez épaté, qui ne donnera pas aux dames de nos cours le nom de belles, le donnera sans hésiter à ces actions et à ces maximes.

Le méchant homme même reconnaîtra la beauté des vertus qu'il n'ose imiter. Le beau qui ne frappe que les sens, l'imagination et ce qu'on appelle l'esprit, est donc souvent incertain; le beau qui parle au cœur ne l'est pas. Vous trouverez une foule de gens qui vous diront qu'ils n'ont trouvé rien de beau dans les trois quarts de l'Iliade; mais personne ne vous niera que le dévouement de Codrus pour son peuple ne soit fort beau, supposé qu'il soit vrai.

VOLTAIRE

[Dictionnaire philosophique]

Lấy khăn anh chấm má hồng em,
Khăn đỏ nhờ em lại đỏ thêm.
Anh gấp khăn vào trong túi áo,
Ngày mai còn đượm chút hương em.
Đời dầu theo em giấc mộng trường,
Cảnh vui hẳn mộng cũng vui hơn.
Anh vui rồi cả em vui nữa,
Em đẹp còn chi sự tủi hờn.

(LỜI BÊN HOA)

Quan-niệm về sự đẹp (bài nối)

Có những việc ai cũng cho là đẹp. Hai người võ-tướng của ông César, cùng nhau tử thù, thách nhau, không phải là thách người nọ đổ máu người kia đằng sau bụi dậm như ở bên nước ta, nhưng thách nhau xem người nào chống giữ được giỏi hơn cái trại lính La-Mã mà quân Giã-Man sắp đến đánh. Một người đã làm cho quân thù phải lùi rồi sắp chết, người kia chạy lại cứu cho khỏi chết rồi đánh lấy toàn thắng. Một người bạn liều mình chết vì bạn, một người con liều mình chết vì cha, thì dẫu người Hồng-Chúng xứ Bắc-Mỹ, hoặc người Pháp, người Tàu đều bảo thế là đẹp, rằng những việc ấy làm cho họ được hứng thú, họ phải ngợi khen.

Những câu luân-lý cách - ngôn như câu này của ông Zoroastre: « Hễ hồ nghi là một việc nghĩa thì đừng làm » hay câu này của ông Khổng-Tử: « Quên điều ác, chớ quên ơn » thì họ cũng bảo thế.

Người hắc-chủng mắt tròn mũi tẹt kia không cho các bà trong cung điện của ta là đẹp cũng cho ngay những việc ấy, những câu ấy là đẹp.

Ngay đến kẻ ác cũng chịu những đức tính mình không dám bắt chước là đẹp. Cái đẹp mà chỉ cảm-xúc đến giác-quan, đến tưởng-tượng, đến cái người ta gọi là trí khinh khiêu thời thì thường không chắc chắn, cái đẹp cảm đến lòng người thì không thế. Có chán người họ bảo trong ba phần tư quyền truyện Iliade (1) chả thấy gì là đẹp, nhưng chả ai cãi lại rằng việc ông Codrus (2) liều mình cứu dân không phải là đẹp, giá thử việc đó có thật.

HẢI-LƯỢNG dịch

1) Một khúc anh-hùng ca của Hi-Lạp.

2) Ông vua cuối cùng xứ Athènes ở về thế kỷ thứ XI trước T. Ch.

Cái sự đổi thay của tư trào ấy là một việc hay, hay dở? Ta không phải là nhà xã hội học cũng không phải là nhà tiên-tri thì cái do cơ lẽ không quan hệ đến ta.

Riêng đứng địa vị một nhà phê bình văn học tôi muốn đặt câu hỏi? :

Cuộc đổi thay đó có phải là triệu chứng của buổi bắt đầu một thời đại mới trong thi ca chăng???

LÊ-TÀI-PHÚNG

H A N H P H Ú C

(Chuyện ngắn)

Tôi, tôi chỉ là một kẻ ăn mày, mắt lòa chân chậm.

Người đời họ có ghét tôi vì chứng đứng gàn hơn tượng, nói giai hơn đĩa, tôi đã không thêm chấp cũng như khi thấy người nào có lòng nhân đạo mà đưa cho tôi một bát cơm thiu hay đồng trinh Bảo-Đại thì tôi cũng chẳng cảm ơn.

Nói cho cùng, đời tôi thế này việc gì tôi cho là khổ?

Tôi đã chịu quen những cảnh cơ hàn đau khổ thì tất nhiên là tôi sung sướng lắm, sung sướng vì cứ được mang cái thân ốm-o bệ-rac phô bày một cách ngạo-mạn cho đời.

Cái hình-thù có mỹ thuật riêng của tôi luôn luôn nhắc cho họ khỏi quên rằng ở cái thời buổi mà chỉ có ba xu, một con đi quèn cũng có thể cuỗi trên lưng một người phu xe già ngang tuổi với ông nội nó, ở cái thời buổi mà bọn đột khởi chỉ làm giàu bằng hết mọi cách để hèn cũng đã vội lên mặt vênh-vang, mà ai ai cũng coi rằng loài người mà có hạng đầu râu tóc bạc như tôi phải đi ăn mày chỉ là sự thường, thì loài người có hơn gì loài... khác!

Ngửa tay xin là khổ, bóp cổ kẻ khác mà lấy, hoặc bán cùng thì chờ người ta sợ ý mà lấy, thế còn hơn. Cả nhân loại tổng chỉ là một tụi ăn cắp cả thì lâu có ăn cắp tôi cũng không sợ mất lương tâm; tôi chỉ đã theo gương mọi người. Song tôi chẳng thêm ăn cắp, chỉ muốn quấy rầy xã hội bằng cách ăn mày, thế là cao hơn. Lớn cũng như nhỏ,

người đời đã nhan nhản ganh nhau làm những bao nhiêu việc ám muội, bất nghĩa, để hèn, nhưng khi nào tôi lại hạ mình theo họ!

Mà việc gì tôi cần dăm dăm chiêu chiêu, đầu tắt mặt tối, khổn khổ đến như họ, đáng thương hơn các giống trâu bò? Tôi chỉ việc đi từng nhà, đứng từng cửa làm như kêu gào tha thiết, phô bày một cảnh tang thương đau khổ của đời để họ nuôi tôi. Chỉ có mấy câu sáo đã học thuộc lòng, hễ đến nhà nào mà thấy bên trong ăn uống linh đình là tôi dở cái bài ca ấy ra để mai mỉa họ.

Họ cau mày sai đầy tớ ra cài then đóng cửa đuổi thì tôi cũng sẵn lòng làm lơ cho họ, còn nếu lễ tiền hay mời ăn uống càng hay.

Tôi chỉ dă dối với bọn hợm của khinh người, còn đối với đời, tôi không có thêm che đậy. Không làm sang làm dởm, tôi quân-tử ở chỗ không biết giấu-giếm cái thân bệ-rac của mình.

Tôi nghĩ ái ngại cho bao kẻ vẫn lên xe xuống ngựa để về sau vác những bộ mặt bên lên đến hiệu Vạn-Bảo cầm đồ. Tôi đây, thật xuất một đời, tôi chưa hề nói gì với mấy chú Tàu ở nhà Vạn-Bảo.

Những khi đủ ăn, tôi kiếm những tòa lâu đài nguy nga, chỉ nằm ngoài thêm để thanh thoi xem găng sao, mơ màng đến những thi vị trên trời rồi mới

ngủ, còn khi thấy trong mình khó chịu hoặc phải đói rét thì tôi lần đến cửa những nhà giàu có, nằm lăn ra đấy để rên.

Vì họ thích kiêu nên bảnh mắt ra, mới mở cửa bước ra đường tôi đã cho họ gặp tôi để họ kiêu một thể. Họ bảo tôi là bú rù, là khỉ, tôi không thêm cãi lại, miễn sao hứng được sự sống trong cái nón rách của tôi nó cũng như tôi, nó đã phô bao độ cảm hờn.

Dẫu rằng không con cháu, không ai thân thiết họ hàng, chỉ mang cái đời cô độc như tôi cho tôi là nhất. Cũng đôi khi đau buồn vì vậy thật, song chợt ngấm đời và thấy mọi người con hư vợ dại, khổ về họ hàng bè bạn lừa lọc thì tôi lại thấy tôi nhẹ nợ lắm, thế là tự mình mình an-ủy được mình ngay.

Được khoan khoái về tinh thần rồi, tôi không hề lo buồn gì về sự đủ, thiếu vật chất. Vì trên tôi đã nói hạng ăn mày đã quen những ngày cơ hàn đau ốm thì dù có cơ hàn đau ốm mãi, tôi cũng chẳng kể cái đó vào đâu.

Trong cái bọn lang sói ở đời thẳng hoặc cũng có một vài người trông thấy tôi mà ngậm ngùi thương hại. Chắc họ cũng nghĩ rằng cái lão già mắt lòa chân trệt ấy đêm ngày đi lang thang khắp đầu đường sọ chợ với sự nhần nhó kêu van, phơi mình ra giữa nắng mưa, ngoài cái hạng chỉ sẵn lòng quai mõm ra quát: « Không sẵn, đi đi! » thì chẳng được ai nói cho một câu thương xót bao giờ... rồi nghĩ đến

cái chết của tôi mà ngán ngẫm.

Thế thì tôi xin ... giã ơn !

Cái chết của tôi sau này đã đành là không kèn không trống không điệu văn không câu đối nhưng tôi dám chắc rồi sẽ được rồi linh hồn hơn cả ai ai. Tôi không có của có con, chết đi càng khỏi lo vì cái gia tài bị chúng đem ra biếu quan sử kiện, và «nằm» trong cái säng của một hội thiện, tôi sẽ đỡ bị bọn người dả dối, che mắt người còn thì gặp gậy lưng ô hô kẻ chết hay những thằng siên sỏ đứng đọc điệu tang văn tế chửi mình. Cái chết của tôi cũng như của con chim, con sóc trong rừng,

chết đi là xong, không để sầu để tủi cho ai mà có lẽ còn nhiều người lại được sung sướng nữa.

Hiện giờ thì tôi vẫn sống, sống để nghe những tiếng kêu ai oán của cuộc đời giàu bề, rồi cười bọn eờ gian bạc lận, để không xem, không nom nhưng vẫn thừa biết rõ những tấn tuồng vợ lừa chồng, con chửi bố của những quân bất nhân phi nghĩa tuy giàu có song vẫn không thôi lăn lóc ê trệ vì tiền.

Sống để cố sức tin rằng cuộc đời là một sự bẽ rạc, tôi rất sẵn lòng đón chào bọn người bại trận xa xút rồi thì mới được hưởng hạnh phúc như tôi. Có khó gì

đâu ! Bao nhiêu thắng xưa nay vẫn vênh vào hẻm đời mà rồi tự nhiên cũng thấy phải ăn mày lang thang đầu đường xó chợ. Mỗi lần tiếp một đồng nghiệp mới là tôi thết ngay tôi một trận cười thỏa thích, vì ai muốn như tôi chẳng khó lắm, cứ thiếu cơm thiếu áo là bạn bè, họ hàng phải sợ, mà lại không đang tâm sảo quyết thì sẽ được ăn mày. Tôi sống nhưng không phải chịu rằng cuộc đời là bề khổ.

Kể nào tưởng ta phú quý nhất đời ?

Xin đừng vội tưởng đã sướng hơn tôi !

VŨ-TRỌNG-PHỤNG



女流文學史

Một quyển sách hay đáng đọc ! NỮ LƯU VĂN HỌC SỬ

Của SỞ-CƯỜNG LÊ - DU soạn

Trong quyển này, tác-giả chuyên khảo về phương diện văn-học của nữ-lưu nước ta ngày xưa, để cho biết nữ lưu nước ta xưa nay không thiếu gì hạng tài hoa, có học vấn, có văn chương truyền đời; lịch sử và chuyện các bà như Trương Quỳnh Như, Ngọc-hoa Công-Chúa, Hồ-xuân Hương, Bà huyện Thanh-Quan, Bang-Nhỡn, Kim-Hoa học-sĩ, Phạm Lam-Anh (tất cả gần 20 vị) tác-giả kể rõ ràng, lại có trích những bài thơ văn hay của các vị ấy.

Sách dày gần 100 trang khổ rộng. Trước bán 0\$35 nay chỉ bán 0\$15 (Cước thường 0\$06). Đề cho Đông-tây ấn-quán, 193, hàng Bông Hanoi

DU KÝ**BƯỚC ĐƯỜNG ĐI MỸ**Của PHẠM - CHÂN - HUNG(Tiếp theo kỳ trước)

Quảng châu Loan tuy đất rộng, nhưng phần nhiều không được phì nhiêu, nên phải bỏ hoang nhiều lắm. Còn ngoài ra thì họ cũng cấy cấy hoa màu và lúa má như ở ta vậy. Duy có 1 nguồn lợi đáng để cho ta chú ý là nghề chăn nuôi của dân bản xứ. Ở nhà thì họ nuôi lợn, ngoài thì họ chăn trâu bò, trên những cánh đồng cỏ rộng rãi bao la. Thời thường, họ vận tải những lợn, trâu, bò ấy đi Hương. Cảng bán, hàng năm thu về được một số tiền khá to.

Ngày đêm hôm sau, tàu Ton-kin lại kéo neo đi Hongkong. Đêm ấy, ở dưới tàu, phần thì đêm trước thức nhiều, chơi bởi mỗi mệt, phần thì đi bể đã quen, nên anh em chúng tôi đều nằm ngủ yên được ngay tự chập tối. Bấy giờ sáng hôm sau cũng thức giấc hết thấy đều thấy trong người được khỏe mạnh, khoan khoái. Mọi người đều công nhận rằng, từ khi bước chân ra đi, duy có đêm vừa qua là ngủ được ngon nhất. Rồi thì từ sáng tới chiều mấy anh em chúng tôi, hết đứng trên boong, lại kéo nhau vào trong buồng ngồi truyện tếu rất là tỉnh táo vui vẻ. Buổi chiều thì tàu vừa tới bến Hongkong.

Hongkong, tuy là một lãnh thổ của Tàu, nhưng do người Anh cai trị. Vì thế mà dù những người chưa từng đi tới Hongkong bao giờ cũng có thể đoán được rằng đó là cái trung tâm điểm của văn minh Âu Mỹ và là cái đất đại biểu cho cái đời máy móc hoạt động ở chốn Viễn Đông.

Quả vậy, khi tàu mới bỏ neo, từ trên tàu trông vào trong tỉnh, thấy trên đám lá xanh nhấp nhô những khu nhà cao ngất, nào mái ngói, mái kẽm liền nhau như bát úp; nào những cột giằng thép, giằng điện, nào những ngọn thu lôi và những ống khói nhà máy tua tua chọc lên trời, mà trên bầu trời lúc nào cũng thấy vẫn những bụi cùng khói, đủ biết là một nơi đầy sinh khí chứ không đến nỗi ngủ yên, chết dờ như mấy chỗ vừa qua. Thấy cái quang cảnh náo nhiệt ấy, chúng tôi rất lấy làm vui rằng gặp được một nơi đáng nên du lịch và bỏ công vượt qua bao quãng. Vì lòng khao khát muốn xem phong cảnh, và nếm phong vị Hongkong, chúng tôi hăm hở gửi cả hành lý dưới tàu rồi cùng đổ bộ. Quả nhiên đã có tiếng, chẳng mạnh thì bạo thật! Mới thoát bước chân lên, đã thấy đường cái sạch sẽ mà rộng thênh thang, nhà cửa thì sáng sủa, cao ráo nhiều cái tới 6, 7 tầng mà ở liền nhau san sát. Ấy đường cái tuy rộng rãi là thế, nhưng đối với cái cảnh đi lại tấp nập của Hongkong cũng là chật hẹp lắm. Vì xe điện (có gác, chia ra hai tầng: tầng trên là hạng nhất, mỗi người 0\$10, tầng dưới là hạng nhì, mỗi người 0\$07) xe tay, xe ô-tô cùng các khách bộ hành đi lại như mắc cửi. Thề lệ đi đường trái ngược hẳn với bên ta; những người đi bộ và các xe cộ đều tránh cả về bên trái. Nếu không biết thề lệ ấy thật là nguy hiểm. Còn ở những nơi

ngã ba, ngã tư là những chỗ nguy hiểm nhất, thì luôn luôn có hiệu bằng đèn xanh và đèn đỏ. Hễ thấy đèn xanh bật thì người đi xe đỗ lại; mà đèn đỏ bật lên, thì xe đi, người đứng lại. Suốt ngày đêm cứ theo một cái công lệ ấy, nếu lỡ trái một chút là có tai nạn liền! Nhà cửa đã cao ráo, sáng sủa, mà phần nhiều lại ở trên núi, cho nên lại càng mát mẻ lắm. Đường lên núi không thể đi xe tay và ô-tô được thì đã có song-loan mà nếu tiện đường thì dùng xe điện. Song-loan tức là chiếc ghế bằng mây, dờ hai người khiêng. Cái cách dãi tải ấy tuy có phần vất vả và đã man nhưng cũng chỉ dặt gấp đôi giá đi xe tay ở dưới đường phẳng thôi. Còn xe điện thì có ba đường lên núi rất là nguy hiểm. Khi xe lên xuống, tuy có vất vả nhưng đều có một cái khoái riêng, vì lúc đi lên thì người như nằm ngửa, mà khi xe lao xuống thì người như úp sấp nên hết thấy mọi người đã phải bấu chặt lấy cái giây trước mặt, nếu không thì ngã ngửa ra, hay đâm sấp xuống ngay.

Hongkong là một hải cảng to ở Viễn-Đông, nên tàu bè các nước lui tới, buôn bán rất nhiều trong bến lúc nào cũng thấy đồ chật ních cả. Và lại các thứ hàng xuất cảng và nhập cảng đều được miễn thuế đoan, nên các nhà buôn lại đua nhau mà cho hàng tự do xuất nhập. Vì thế mà sự buôn bán và công

nghệ quanh năm suốt tháng lúc nào cũng phồn thịnh như thường. Chúng tôi đã nghiệm thấy hầu hết những đại thương gia và đại kỹ nghệ gia đều là hữu hạn công ty và vô hạn công ty của người Tàu họ hợp cổ mà gây dựng nên nhan nhản một cách rất phồn thịnh vững bền. Thế thật lại càng đáng sợ và đáng phục cái cách hợp quần của con cháu Thần-Nông trong công thiên giới.

Hai ông Hảo và Hoat đã từng qua lại Hongkong nhiều lần, đã thuộc cả các đường lối nên làm hướng đạo đưa chúng tôi đi xem qua các nơi cho biết đại khái. Mỗi khi chúng tôi thấy mệt và thấy đói mới nghĩ tới chuyện đi tìm Hôtel để nghỉ ngơi và ăn uống. Bởi được hai tay hướng đạo sành sỏi, nên chúng tôi chẳng phải tìm kiếm mất thì giờ, hai ông đưa ngay chúng tôi vào châu Đại - Đông là nơi có tiếng lịch sự, sạch sẽ nhất ở đây. Châu Đại - Đông này đây có 7 tầng gác, có thang máy lên xuống do người Tàu quản đốc. Chúng tôi thuê chiếc buồng lịch sự, mất 8 đồng bạc Hongkong một tối (1 đồng bạc Hongkong là 6 hào ta). Trong buồng ấy, có một chiếc giường Hongkong, một chiếc sập gu, một chiếc salon kiểu mới... cùng là tủ đựng áo, bàn rửa mặt, buồng tắm đủ cả. Đối với cái giá bên ta là 5\$ một tối, thì kẻ cũng đáng đồng tiền? Ở đây thường có con gái Tàu lại đàn hát cho khách trọ nghe để kiếm tiền cũng y như ở Hanoi ta dăm sáu năm về trước, vẫn có một ông lão xách chiếc đàn nguyệt và đưa con gái nhỏ thường vào các nhà, các tiệm, các sầm mà đàn hát kiếm ăn vậy. Ở châu này, sang thì sang thật, thú thì thú thật, nhưng đêm nào cũng vậy, chỉ phải cái nằm khó mà

nhắm mắt được vì ở những buồng chung quanh đánh ma chược âm âm suốt đêm, và các chị em hồng phấn rạp riu lượn để thả mời bắt khách. Còn như về vấn đề ăn, nếu ăn soàng thì ăn ngay ở trong buồng châu này cũng tiện. Họ sẽ tính từng bữa một, chỉ 5, 3 hào chứ chẳng bao nhiêu. Nhưng nếu muốn ăn sang, thì cần phải tìm đến các tiệm. Chúng tôi muốn nếm trải cho đủ phong vị, nên lại bảo hai nhà hướng đạo dẫn đi. Hai ông đưa lại Hoàng-hậu điểm tức là nơi ăn uống sang trọng nhất ở đây. Thôi thì tùy ý, tùy tiện, khách muốn gọi sơn hào, hải vị, lối khách, lối tây, lối gì cũng có mà có một món thứ nhất là có các chị em mặt hoa, da phấn, ra hầu nước vào hầu rượu, phảng phất như cái phong vị trên chiếu rượu cô đào ở ta vậy. Chợt có một cô, hai con mắt ngây thơ, dưới cặp lông mày sợi chỉ uốn cong, đôi má phấn hồng hồng, lại thêm hai đồng tiền lôm, nhí nhoén cười rất có duyên: « Sênh sang nhậm mán nhề xà » Cô đỡ áo chúng tôi rồi ngơ ngác hết nhìn người nọ lại ngắm người kia. Sau khi đã yên vị, lại có mấy cô nữa ra hầu, mỗi cô hầu tiếp một người, mà cô nào trông cũng có vẻ nghiêng nước, nghiêng thành cả. Mỗi cô đem ra một ấm chè. Rồi cô nào hầu người khách nào tự hỏi ngay tên khách là gì lấy bút viết luôn lên trên nắp ấm để phân biệt riêng từng người một. Song tiệc nước, thì món ăn đưa lên. Mỗi cô luôn ngồi bên cạnh khách mà ăn cần mời rượu. Các cô khuyên mời đã khéo, đỡ món ăn lại lễ phép, lịch sự. Trong khi thù tạc và trò chuyện có nhiều vẻ tình tự, mặn mà, dễ thương, nhất là cặp mắt đưa

tinh của chị em lắm lúc khiến cho khách phải lao đao tấm lòng. Thôi thì rượu nồng, nhắm tốt, gái vừa đương tơ, câu phương ngôn ấy thực là đáng cảnh. Trong khi ăn, các cô thường đưa cho mỗi người chiếc khăn mặt nóng, tắm nước hoa thơm ngát để lau mồm. Mà cứ theo cách sang trọng và lịch sự thì khăn mặt ấy thường phải thay luôn, mỗi lần thay phải tính tiền riêng. Thứ tiền này có lẽ là thứ tiền pourboire riêng cho các chị em bồi tiếp vậy. Cho nên cứ theo lệ ở đó, càng có lòng thương yêu nhau thì càng nên luôn luôn thay khăn mặt.

Ở đây cũng có riêng sòm cô đầu như ở Quảng-Châu, nhưng xem ra nhà cửa lịch sự và các chị em « hầu tở » hơn ở Quảng-Châu nhiều, Hongkong đã là nơi văn vật phồn hoa thì sòm chị em tất là cái tở vi trùng rất nguy hiểm. Vì thế mà chúng tôi sợ vướng vào cái bệnh ghê Tầu chẳng dám gần gũi chị em lắm. Chơi ở đây có hai cách: chơi châu « ngả mặt » thì gọi là tại cục, chơi châu tray thì gọi là « sừu cục ». Chúng tôi chỉ muốn thưởng qua cho biết phong vị và cho đỡ tốn tiền nên chúng tôi chỉ rất sừu cục, nghe ca, cần bặt đưa và truyện trò bông lông soàng cho tiêu khiển. Như thế thì 5, 7 anh em, chỉ phải chi độ 15 đồng là sang lắm.

Hongkong tuy là một nơi buồn bán phồn thịnh, nhưng kỹ nghệ không có mấy, phần nhiều là mang ở Quảng-Đông lại. Tự Hongkong đi Quảng-Đông hàng ngày có hai chuyến tàu thủy đi và về, người lên xuống rất đông. Nếu muốn đi xe lửa thì phải sang ngang qua sông Cửu-Long, rồi đáp xe lửa

trong 6 tiếng đồng hồ thì tới nơi. Vì còn phải đợi tàu những 6, 7 hôm nữa, nên chúng tôi có dịp thong thả, tha hồ mà đi du lịch. Nhưng trước khi đi du lịch, chúng tôi phải thu xếp các giấy má. Nguyên khi sắp sửa ra đi chúng tôi có gửi giấy vào lãnh sự Mỹ ở Saigon xin giấy thông hành, nhưng xưa nay, vẫn có cái lệ cần phải có mặt mình ở đấy thì họ mới ký nhận cho. Vì đi Saigon mất nhiều thì giờ và phí tổn vô ích, nên chúng tôi không vào. Họ chỉ cấp cho phong thư, đợi đi qua Hongkong vào lãnh sự Mỹ lấy visa cho tiện. Lãnh sự Mỹ ở Hongkong nhận được giấy giới thiệu của lãnh sự Saigon thì rất vui lòng cấp giấy thông hành cho chúng tôi nhưng còn có ông Hảo là người ít tuổi, nên họ ngại mà không muốn cho sang nước họ. Bởi vậy lãnh sự không cấp giấy cho ông nữa, vì thế mà chúng tôi lại phải cùng vào trình lãnh sự Pháp nhờ đi nói giúp thì họ cũng phải nể lời, mà cho phép ra một tờ giấy riêng, chứ không ký vào giấy thông hành; rồi lập tức, họ lại báo tin về Chicago.

Sau khi lấy được đủ giấy má còn thì giờ phải chờ tàu, chúng tôi hãy đi Quảng-Đông chơi. Chúng tôi đi đường thủy. Từ Hongkong đi Quảng-Đông đi một chiếc tàu to và ngắn, vừa suốt một đêm tới nơi. Tàu này chia làm 4 hạng; hạng nhất 8\$, hạng nhì 6\$, hạng ba 4\$, hạng tư 2\$. Hai hạng trên thì sang trọng. Hạng ba phần nhiều là những người hút thuốc phiện nằm. Còn hạng tư trên boong, thì rất thoáng và lắm trò vui vẻ nên chúng tôi mua vé hạng này. Khi ở trên tàu, lúc ban đêm, tàu chạy được một quãng, chợt

có một người khách đứng giữa tàu làm trò quỷ thuật để các khách đề ý, rồi mới diễn thuyết và khuyên giáo các hành khách khác xong lại làm quảng cáo bán thuốc: kể họ làm lắm trò cũng tàu thật.

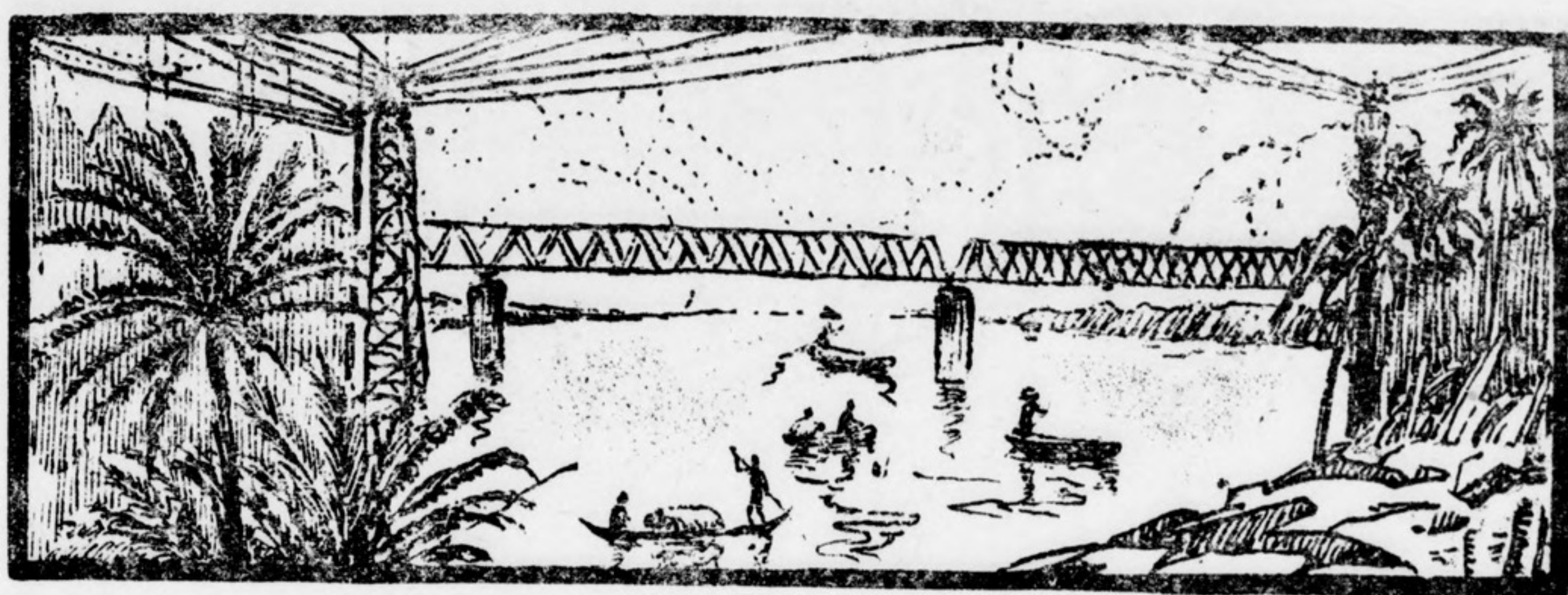
Gần sáng tới bến, chúng tôi tìm được chỗ trọ mà nghỉ ngơi rồi mới đi xem phong cảnh. Các phố xá, nhà cửa, dinh thự và đường đất cũng đều khang trang sạch sẽ như ở Hongkong. Cho đến cả việc buôn bán và nền công nghệ cũng vậy, xem ra cũng có vẻ thịnh đạt. Trong địa giới Quảng-Đông chia ra làm hai thứ phố: phố mới và phố cũ. Trong những phố mới, hầu như nhà cửa cũng có theo lối kiến trúc Âu Mỹ, trông rất lộng lẫy. Đường xá sạch sẽ và rộng rãi. Nhưng suốt ngày đều hiện ra cái vẻ vắng vẻ và lạng lẽ. Còn các phố cũ thì trái lại, nhà cửa làm theo lối kiến trúc cổ, trông rất thấp bé và lụp sụp. Các đường xá nói cho đúng, là các ngõ trông ra giải thắm thắm, nhưng bề ngang chỉ hẹp độ 3 hay 4 thước là cùng. Trên mặt các ngõ thường thấy lát những phiến đá xanh rộng rãi. Vì hẹp hòi như thế, các xe cộ không thể qua lại được. Tuy vậy, dân cư rất đông đúc, và việc buôn bán kỹ nghệ rất là sầm uất. Người qua kẻ lại, suốt ngày không mấy lúc ngớt! Trông thấy cái vẻ hoạt động ấy, tuy phố xá nhỏ hẹp mặc dầu, chúng tôi cũng dám đoán rằng nó là mạch máu chính của Quảng-Đông vậy. Từ những ngõ ấy đi ra, chúng tôi lại thuê xe đi chơi. Cách tỉnh thành chừng năm cây số, thì đến Hoàng-hoa Cường (vòng núa cổng) trông bề ngoài có vẻ u tịch và tôn nghiêm, nào

cây thông, nào bia đá, nào bộ dinh lại lác đác mấy khóm rừng xen lẫn. Ở ngay ngoài cửa đài kỷ-niệm lại có hai chiếc cột đá trạm trổ rất công phu, có một giòng chữ đề « Annam cách mệnh đảng cung tiến ». Theo tỉnh tò mò, chúng tôi cũng xuống xe đi trông ngắm một lượt. Trông thấy chữ đề, thì quả nhiên đó là lăng của 72 nhà liệt sĩ nước Tàu, đã khởi sướng ra cuộc cách mệnh của nước con Trời. Giải giác khắp trong khu vườn rộng ấy, chúng tôi còn thấy dựng nhiều tấm bia đá, ghi chép đầy những công việc hiển hách của 72 nhà cách mệnh đã hy sinh cho dân, cho nước. Gần đấy, lại thấy có một ngôi mộ có biển đề: « Annam Bắc-kỳ nhân hủi HỒNG THÁI PHẠM liệt sĩ chi mộ » dưới còn thấy đề hàng trang lịch sử nữa. Nhưng chúng tôi mới đọc qua ba chữ tên: « Phạm Hồng Thái » chúng tôi sực nhớ tới việc của Thái, đã làm rồi nên không phải đọc trong bia cho thêm mất thời giờ. Nguyên Hồng-Thái là một người Việt-nam trốn tránh sang Tàu vào đảng Cách-mệnh bên đó đã lâu. Nhân một năm kia quan toàn quyền Đông-dương là Merlin đi công cán qua đó, Thái được lệnh của đảng cách-mệnh ra ném bom để hành thích quan Toàn quyền tại hotel ở Sám Mìn (tò giới Pháp) Nhưng công việc không thành, Hồng-Thái phải tự tử chết. Ấy thế mà người Tàu cũng cho là hạng liệt sĩ mà khắc bia xây mộ. Cảnh ngôi mộ là lăng bạn của Tôn văn

(Còn nữa)

PHẠM-CHÂN-HUNG





TIN TUC THE GIOI VA VIEC TRONG NUOC

Nga Nhật thân thiện chăng ?

Ông Tamekichi Ohta, sứ thần Nhật ở Moscou, có tuyên ngôn rằng Chính phủ Soviet bây giờ không nuôi cái lòng ác cảm đối với người Nhật nữa, họ có ý muốn bán con đường Bắc Mãn cho Mãn-châu-quốc.

Ông Ohta có nói rằng trong những ngày lễ kỷ niệm cách-mạng, Nga không rải truyền đơn hay gián giấy bài Nhật chi hết.

...

Văn-Nam cũng cấm thuốc phiện

Chính phủ Văn nam vừa rồi đã quyết định thực hành việc cấm trồng, vận tải, cấm hút, thi hành một cách rất nghiêm, nếu kẻ nào cố phạm sẽ bị xử tử.

...

Chế độ kiểm duyệt báo chí quốc văn sẽ bỏ ở Nam-kỳ

Ngày 15-11-1934, quan Toàn-quyền Robin đã ký nghị định bãi phòng kiểm duyệt ở Nam-kỳ bắt đầu từ 1-1-1935. Người đã thảo dự án này là quan Marty, hiện nay sung chức Khâm sứ Lào.

Chính-phủ không thêm đạo nghị định nào mới để hạn chế quyền ngôn luận. Song các nhà làm báo vẫn phải theo nghị-dịnh Varenne năm 1927. Nghị-dịnh này trừng phạt nhà viết

văn, nếu phạm vào tội hủy báng Việt-Nam Hoàng-đế, chính-phủ Bảo-hộ hoặc chính phủ Nam-triều.

...

Nam - kỳ đã giúp nạn dân Trung-kỳ món tiền vạn rưởi đồng

Quan Thống đốc Pagès ở Nam kỳ đã cho trích ở công quỹ Nam kỳ 10.000 đồng, lại trích ở quỹ Nam kỳ năm 1935 1.000 đồng để giúp nạn dân Trung kỳ. Ngoài số tiền này, ban cứu-tế Nam-kỳ còn quyên cho 3.000 đồng Địa-phương Saigon - Chợ-lớn cũng quyên cho 1.000 đồng nữa. Cộng cả là 1 vạn 5 ngàn đồng.

...

Đoạn đường sắt Tourane Quảng-ngãi đến Janvier 1935 sẽ giao thông được

Quan tổng thanh-tra công chính đã cho biết rằng đến Janvier này, đoạn đường sắt Tourane - Quảng-ngãi sẽ cho giao thông, còn đoạn Quảng-ngãi - Quinhon thì chừng Juin 1935 sẽ hoàn thành.

...

Cho dùng thử dầu thầu dầu ở trường kỹ nghệ và ở hỏa-xa

Thầu dầu là một sản vật của ta, dầu của nó có thể dùng vào các việc máy móc được, nên

quan Thống sứ đã cho đem dầu ấy dùng thử ở đường kỹ-nghệ thực hành và hỏa xa. Nếu tiện dụng thì cũng là một mối lợi cho các nhà trồng trọt.

...

Hội-đồng phổ tế Bắc-kỳ đã họp bàn việc cứu tế nạn dân Trung-kỳ

Ngày 17-12-1934, Hội đồng phổ tế đã họp tại hội quán hội Khai-Trí do quan Võ-biền Hoàng-trọng-Phu chủ tọa để bàn định việc cứu-tế nạn dân Trung kỳ.

Ngài có đưa trình hội-đồng 500 sớ quyền của hội đồng cứu tế Trung kỳ gửi ra, hội đồng định sẽ gửi đi khắp các tỉnh Bắc-kỳ đề quyên tiền. Về việc cứu tế này trước quan Toàn-quyền định vào ngày 27 janvier tức là 23 tết là ngày lạc quyền khắp Đông pháp nhưng hội-đồng e ngày đó giáp tết, sợ quyền không được mấy nổi, nên định đến 10 Février 1935 tức là ngày mồng 7 tháng giêng ta mới làm.

...

Đại hội nghị đã bế mạc

Hồi 6 giờ chiều ngày hôm qua, 21 Décembre 1934 Đại hội-nghị năm 1934 họp ở Saigon đã bế mạc, nhanh hơn lần họp ở Hanoi năm ngoái.

KÍNH CÁO ĐỌC - GIẢ

Chúng tôi hiện cần báo Chóp bóng cũ số 2, 3, 4, 5, 13, 14, 15, và 16. Các bạn ai có cả ngần ấy số hay có một số trong những số ấy không dùng đến xin gửi về cho bản-chí, bản-chí sẽ gửi biểu báo V. H. T. C. hay sách của Đông-Tây ấn-quán xuất bản.

V. H. T. C.

Hoa Lư Kết Nghĩa

(LICH-SỬ TIỂU THUYẾT)

Soạn giả : DƯƠNG - BÁ - TRẠC

(Tiếp theo)



Đinh tướng-quân nghe nói cả mừng, vỗ vào vai Lê tướng-quân cười mà nói rằng :

— Thế mà chẳng bảo cho em biết trước để em cứ pháp-phòng lo tính mãi về việc đó mà vẫn chẳng nghĩ ra được cái kế gì hay. Tướng-quân thật là Trương-tử Phong tái sinh, ngồi gầy bàn tính ở trong màn mà chắc có nước được ở ngoài ngàn dặm. Chúa thượng ta có được một người giúp sức như thế, dù có cả trăm sứ-quân đi nữa cũng thống nhất như chơi, chứ còn kè làm chi mấy anh sứ-quân quèn ấy.

Hai tướng-quân đương chuyện trò vui vẻ thì vừa có người mang thư của Phạm-phòng-Át ở Bình-kiều tới. Đinh tướng-quân vội vàng mở thư ra xem.

Thư rằng :

— Kính trình Đinh tướng-quân huy-hạ điện giám: Tiều-tướng từ khi ở trấn thủ Bình-kiều, thăm nghĩ Bình-kiều với Tây-phù-liệt địa-thể liên tiếp nhau, quân dân hai xứ đi lại giao thiệp với nhau rất nhiều, bèn đề ý dò xét xem sao thì hôm trước đây, có một người Tây-phù-liệt nhân thế quán ở Bình-kiều, tới thăm người cha vợ yếu. Tiều-tướng lập tức sai người tìm người ấy vào dinh hỏi chuyện. Người ấy vâng lệnh đến, Tiều-tướng trông người ấy tướng-mạo khôi ngô, cử chỉ đứng đắn, biết là một người vào hàng hào-mục chứ không phải bọn dân-giã tầm-thường, bèn chào mời khoản đãi một cách ân-cần thành thực. Sau một hồi chuyện vãn, người ấy bèn tỏ bày họ tên chức

nh nghiệp thực thì ra chính là Nguyễn-minh Đat, một người mưu sĩ thân tín của sứ-quân Tây-phù-liệt Nguyễn-Siêu, người ấy nhân nói cùng tiều-tướng rằng: Nguyễn-Siêu vẫn có lòng ngưỡng mộ uy đức động-chúa ta đã lâu, nhất là từ khi Đỗ-động, Bình-kiều đã thuộc về quyền động-chúa ta thống hạt; các tướng-sĩ ở Tây-phù-liệt cũng một lòng khuyên chủ tướng qui thuận, cùng hưởng thái-bình. Tiều-tướng bèn bảo người ấy về trần thuyết với Nguyễn-Siêu nên mau mau dâng đất qui hàng, tiều-tướng sẽ đạo đạt cùng động-chúa cho, quyết không mất phần phú quý. Người ấy vui vẻ nhận lời. Tiều-tướng giữ người ấy ở chơi lại một đêm đem mọi điều họa phúc lợi hại nhủ bảo hết lời, lại kể cả những chuyện qui hàng của Lê tướng-quân, của đích thân tiều-tướng và của Ngô-xương-Sĩ được động-chúa trọng đãi và tin dụng là thế nào cho họ khỏi còn ngại ngần lo sợ. Lúc người ấy từ biệt có xin tiều-tướng viết cho một bức thư đề cầm về Tây-phù-liệt trình cùng Nguyễn sứ-quân làm tin. Quả nhiên người ấy về được mấy hôm thì có thư của Nguyễn sứ-quân sai một người bộ tướng thân tín đem sang tỏ ý xin thực lòng qui thuận. Tiều-tướng đã phúc thư cho Nguyễn sứ-quân biết đề định ngày đem dâng nộp tất cả sổ sách quân dân lương thuế, thân dẫn các tướng sĩ Tây-phù-liệt đến bái yết tướng-quân.

Đinh tướng-quân xem thư xong, nói chuyện với Lê tướng-quân, vui mừng khôn xiết.

Lê tướng-quân cả cười mà nói rằng :

— Nhờ oai đức Động-chúa ta, anh em chúng mình chẳng phải khó nhọc mũi tên hòn đạn gì, cứ ung dung ngồi đánh chén mà nhận thư hàng của các sứ-quân dần dần cho đến ngày thống-nhất không xa nữa !

Mấy hôm sau, Phạm-phòng-Át dẫn Nguyễn-Siêu cùng các tướng-sĩ Tây-phù-liệt đi bốn chiếc thuyền lớn sang Tể-giang vào bãi yết Đình tướng-quân dâng nộp tất cả sổ sách quân dân lương thuế. Đình tướng-quân ân cần ủy lạo, hứa sẽ tâu về động-chúa giáng chỉ phong chức cho đều được như cũ.

Sau khi mở tiệc khao thưởng Phạm, Nguyễn hai tướng-quân cùng các tướng sĩ Tây-phù-liệt, Đình tướng-quân truyền lệnh cho Phạm-phòng-Át đến Tây-phù-liệt kiểm nhận sổ sách quân dân lương thuế rồi lại giao công việc cai trị Tây-phù-liệt cho Nguyễn Siêu, các tướng-sĩ bộ-hạ Nguyễn-Siêu thì ai trước làm chức gì cũng vẫn giữ chức ấy, nhưng phải chịu dưới quyền giám đốc của Phạm tướng-quân.

Đình động-chúa được tờ tâu của Đình tướng-quân, liền giáng chỉ phong Nguyễn-Siêu làm trấn-tướng Tây-phù-liệt, các tướng-sĩ cũng đều cho nhậm chức như cũ, nhưng thuộc quyền giám-đốc quan trấn-tướng Bình-kiều.

Nguyễn-Siêu trước cùng Ngô-nhật-Khánh vốn giao kết làm áo viện cùng nhau ; Tây-phù-liệt với Đường-lâm địa thế liên tiếp, có cái hình môi răng chít nương nhau. Nay Nguyễn-Siêu đã qui thuận với Đình-chúa rồi, Ngô-nhật-Khánh cũng biết đại-thể thiên-hạ tất về họ Đình, và Đình-chúa đã được Tây-phù-liệt, tình thế Đường-lâm của mình không khỏi môi hở răng lạnh nếu mình không mau mau qui thuận, e sớm tới gì đây Đình tướng-quân phát đại binh áp tới đất mình, như non ép trứng, hỏi làm sao kịp. Nghĩ thế, Nhật-Khánh liền sai người mang thư tỏ ý qui hàng Đình-chúa với Nguyễn-Siêu nhờ Nguyễn-Siêu đạo đạt với Đình tướng-quân, sẽ xin hẹn ngày thân đến quân-môn tạ tội.

Nguyễn-Siêu được thư của Ngô-nhật-Khánh, liền sai người phi bẩm Đình tướng-quân.

Đương lo việc Hồi-hồ, chỉ ngại rằng chưa lấy được Đường-lâm thì Hồi-hồ vì cái địa-thế hiểm xa. Phạm-cự-Lượng cũng chưa chịu quyết lòng phản chính, vừa may được cái tin nói Đường-lâm qui thuận, Đình tướng-quân lấy làm vui

mừng hết sức, nói chuyện với Lê tướng-quân.

Lê tướng-quân cũng cả mừng mà nói :

— Thôi thế là việc thiên-hạ xong rồi ! Đường-lâm đã ở trong tay ta thì tôi dám đoán chắc với tướng-quân rằng : chỉ nội vòng một tháng tới đây, cái đầu Kiều-Thuận với cái đồ-bản cả xứ Hồi-hồ thế nào cũng có kẻ thành kính đem tới đây dâng nộp vậy. Lấy được Hồi-hồ, giết được Kiều-Thuận thì những đất Phong châu, Tam đại, Siêu-loại, Tiên-du là đồ trong túi mình cả, còn phải khó nhọc gì !

Đình tướng-quân lập tức phúc thư cho Nguyễn-Siêu bảo kíp khuyên Ngô-nhật-Khánh mau mau qui thuận.

Cách mấy hôm sau, Ngô-nhật-Khánh đi cùng Nguyễn-Siêu xuất các tướng-sĩ Đường-lâm tới Bình-kiều yết kiến Phạm tướng-quân, xin đón Phạm tướng-quân lên Đường-lâm tiếp nhận quân dân, tiền thóc, sổ sách, kho tàng, xong rồi sẽ đích thân cùng với Nguyễn-Siêu đi xuống Tể-giang thỉnh mệnh Đình tướng-quân định đoạt.

Phạm-phòng-Át tiếp kiến Ngô-nhật-Khánh rồi, tức khắc một mặt phi bẩm cùng Đình tướng-quân, một mặt đi cùng Nhật-Khánh lên Đường-lâm xử trí mọi việc.

(Còn nữa)

MỜI XUẤT BẢN

82 bài luận quốc-văn

CỦA GIÁO-HỌC NGUYỄN-ĐỨC-BẢO

soạn theo chương trình mới

để dùng cho học trò lớp Trung - Đẳng
và Cao - đẳng các trường Pháp - Việt

Có 4 mục : tả chân, thuật truyện, thư từ và luận thuyết. Mỗi bài tập có lời dẫn và dàn bài cẩn thận, rất tốt và rất có ých.

Sách dày gần 90 trang — Giá bán 0\$30. Cước 0\$06
Gửi bằng timbres - postes (cò) cũng được cho :
Đông-Tây Ấn quán, 193, phố hàng Bông — Hanoi

Các ông Giáo mua từ 10 quyển trở lên biểu thêm 1 quyển và cước phí về Đông-Tây Ấn quán chịu.

Dépôt légal
Biage 1/00 ex.
Hanoi le 24/12/34
L'Imp.

LIBRAIRIE ĐÔNG-TÂY, 193, Rue du Coton, HANOI

LECTURES LITTÉRAIRES SUR L'INDOCHINE

par EUGÈNE PUJARNISCLE ET DUONG QUANG HAM
 Professeurs au Lycée du Protectorat à Hanoi

*Ouvrage adopté par la Commission
 des Manuels scolaires*

Un volume 15.5 × 21, 272 pages. . . . 1\$20 — Port 0\$22

« Je viens de recevoir vos **Lectures littéraires sur l'Indochine** et je vous en adresse mes meilleurs compliments.

Cette anthologie constitue, en effet, un excellent instrument de travail scolaire et je suis persuadé que votre ouvrage est appelé à rendre les meilleurs services à l'enseignement ».

Pierre PASQUIER, Gouverneur Général de l'Indochine

« Je reçois votre livre si aimablement dédié. Vous y avez fait une bien belle place à ma si modeste collaboration. . . Comme vos lectures sont intéressantes et instructives. Mes meilleurs compliments et mes sentiments très dévoués ».

Maréchal LYAUTEY

« . . . Des livres comme le vôtre font honneur à l'Indochine et à la vieille civilisation indochinoise et à l'union féconde de l'Indochine et de la France ».

Claude FARRÈRE

« Tous mes remerciements et mes compliments pour les **Lectures littéraires** qui sont un modèle d'en-

seignement, de littérature, d'histoire le plus propre à ouvrir et à nourrir de jeunes esprits ».

Jean AJALBERT

« Je suis enchanté de figurer dans votre anthologie si parfaitement composée. Elle est venue m'apporter jusqu'ici les parfums de cette Indochine dont j'ai la nostalgie ».

René SCHWOB

« . . . Le livre de M.M. Pujarniscle et Ham est pour ainsi dire parfait. Tous deux, membres de l'enseignement, ils ont su tirer des textes tout le sens et tout le fruit, faisant ainsi profiter leurs élèves de beautés et de leçons qu'ils n'auraient probablement pas senties seuls . . . »

Paul MUNIER (*France Indochine*, 14 Septembre 1929)

« . . . On peut dire que, dans leur sélection, est représentée toute l'élite française qui s'est occupée de l'Indochine; que rien n'a été laissé dans l'oubli et que les Annamites peuvent concevoir un juste orgueil en lisant l'espèce de palmarès dressé là en leur honneur . . . »

Albert de POUVOURVILLE (*La Dépêche Coloniale*)

« . . . Les **Lectures littéraires sur l'Indochine** n'intéresseront pas seulement les élèves de notre enseignement franco indigène. Elles pourront être lues également par tous ceux que notre littérature coloniale ne laisse pas indifférents. Ils y trouveront, en effet, les meilleures pages des auteurs français qui ont écrit sur l'Indochine et même de quelques auteurs annamites qui trouvent une place honorable dans le recueil à côté des noms universellement connus ».

(*Bulletin général de l'Instruction publique*, Mai 1929)

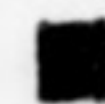
Các bà

Các cô

nhớ coi

QUYỀN

NAM QUỐC NỮ LƯU



CỦA ÔNG

SỞ - CUỒNG LÊ - DU

X

86 trang Giá 0\$15 Cước 0,06

Mua một quyển gửi bằng
 timbres postes nhớ thêm 0\$06
 tiền cước cũng được cho :

ĐÔNG - TÂY ẤN - QUÁN
 193, phố hàng Bông, 193
 HANOI